

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH PH**

Bản án số: 03 /2020/DS-ST

Ngày 10 tháng 9 năm 2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Đình Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ và ông Hoàng Bá Thị.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đào Văn Chí – Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Ph tham gia phiên tòa:

Ông Đinh Xuân Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ph xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2020/TLST- DS ngày 18 tháng 08 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXX-ST ngày 31/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Đinh Thị Thanh H**, sinh năm: 1977

anh **Nguyễn Văn Ch**, sinh năm: 1972

- Địa chỉ: đều ở khu Thù 1, xã Tân S, huyện T, tỉnh Ph; (Có mặt)

- Bị đơn: chị **Hà Thị H**, sinh năm 1982 (Có mặt)

anh **Hà Đình C**, sinh năm: 1979 (vắng mặt)

- Địa chỉ: đều ở khu Thù 2, xã Tân S, huyện T, tỉnh Ph;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 13/08/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án Nguyên đơn chị **Đinh Thị Thanh H** và anh **Nguyễn Văn Ch** trình bày như sau:

Trước đây, năm 2017 - 2018, vợ chồng chị **Hà Thị H**, anh **Hà Đình C** đã nhiều lần vay tiền của gia đình Anh, chị để đáo hạn Ngân hàng, chăm sóc bố ốm, làm ăn buôn bán và đều thanh toán xong đầy đủ. Đến ngày 02/4/2019, vợ chồng chị **H**, anh **C** tiếp tục có vay tiền của vợ chồng chị **H** số tiền là: 225.000.000đ, lãi suất tính theo lãi suất ngân hàng (Thể hiện tại giấy vay tiền ngày 02/4/2019 có chữ ký của chị **H**, anh **C** và Giấy cam kết trả lãi theo lãi suất ngân hàng). Nhưng đến ngày 13/8/2020, vợ chồng chị **H**, anh **C** vẫn chưa hoàn trả cho gia đình anh, chị một đồng tiền gốc và lãi nào.

Nay vợ chồng chị H, anh Ch có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết buộc vợ chồng chị H, anh C phải hoàn trả số tiền gốc đã vay là: 225.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng) và vợ chồng chị H không yêu cầu trả tiền lãi đối với khoản tiền đã vay.

[2] Phía bị đơn: Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 24/8/2020 chị Hà Thị H và anh Hà Đình C trình bày: Vợ chồng anh, chị có vay tiền của vợ chồng chị H, anh C tổng cộng 7 lần với tổng số tiền gốc vay là: 155.000.000đ. Cụ thể như sau: Ngày 21/1/2018 vay 50.000.000đ, ngày 25/1/2018 vay 10.000.000đ; ngày 02/02/2018 vay 10.000.000đ; ngày 05/02/2018 vay 20.000.000đ; Ngày 04/02/2018 vay 15.000.000đ; Ngày 07/4/2018 vay 40.000.000đ; ngày 29/5/2018 vay 10.000.000đ. Còn đối với số tiền 225.000.000đ (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng) như trong giấy vay tiền ngày 2/4/2019 vợ chồng anh, chị có ký tên nhưng không được cầm tiền. Vợ chồng anh, chị bị vợ chồng chị H, anh Ch ép buộc ký vào giấy vay nợ. Nay vợ chồng chị H, anh C không đồng ý trả số tiền 225.000.000đ (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng) mà vợ chồng chị ban đầu chỉ nhất trí trả số tiền gốc đã vay năm 2018 là: 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng), nhưng tại phiên tòa hôm nay chị H lại không nhất trí trả bất cứ khoản tiền nào cho vợ chồng chị H.

Ngoài ra các đương sự không có ý kiến gì khác

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng: chị Đinh Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn Ch có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ph giải quyết tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” với chị Hà Thị H và anh Hà Đình C có địa chỉ tại khu Thờ 2, xã T, huyện T, tỉnh Ph. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ph. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay anh Hà Đình C là bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T xét xử vắng mặt anh C là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về pháp luật nội dung:

Vợ chồng chị Đinh Thị Thanh H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh C, chị H phải hoàn trả số tiền gốc đã vay ngày 02/4/2019 với số tiền là: 225.000.000đ cho vợ chồng chị H và vợ chồng chị không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền đã vay. Về phía chị Hà Thị H và anh Hà Đình C cho rằng: vợ chồng

anh, chị có vay tiền của vợ chồng chị H, anh Ch tổng cộng 7 lần với tổng số tiền của các lần vay là: 155.000.000đ. Cụ thể như sau: Ngày 21/1/2018 vay 50.000.000đ, ngày 25/1/2018 vay 10.000.000đ; ngày 02/02/2018 vay 10.000.000đ; ngày 05/02/2018 vay 20.000.000đ; Ngày 04/02/2018 vay 15.000.000đ; Ngày 07/4/2018 vay 40.000.000đ; ngày 29/5/2018 vay 10.000.000đ. Còn đối với số tiền 225.000.000đ như trong giấy vay tiền ngày 2/4/2019 vợ chồng anh, chị có ký tên nhưng không được cầm tiền. Vợ chồng anh, chị bị vợ chồng chị H, anh Ch ép buộc ký vào giấy vay nợ. Nay vợ chồng chị H, anh C không đồng ý trả số tiền 225.000.000đ mà vợ chồng chị chỉ nhất trí trả số tiền gốc đã vay năm 2018 là: 155.000.000đ và anh, chị xin được trả dần vì điều kiện kinh tế khó khăn và tại phiên tòa chị H lại không nhất trí trả bất cứ khoản tiền nào cho vợ chồng chị H.

Xét thấy: Tại giấy vay tiền đề ngày 02/4/2019 thể hiện rõ việc vợ chồng chị H, anh C có vay số tiền là: 225.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng) của chị H, anh Ch. Hai bên có ký và ghi họ tên đầy đủ, là hợp pháp (được thể hiện bút lục: 15). Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn chị H, anh C cho rằng trong năm 2018 vợ, chồng anh chị chỉ vay của vợ chồng chị H, anh Ch số tiền: 155.000.000đ và ngày 02/4/2019 bị vợ, chồng chị H, anh Ch ép buộc ký vào giấy vay tiền với số tiền là: 225.000.000đ, nhưng phía bị đơn chị H, anh C không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho việc mình bị ép buộc vay số tiền 225.000.000đ. Xét yêu cầu của chị H và anh C đưa ra những lý do nêu trên là không thực tâm, gây khó khăn cho việc trả nợ, mặt khác đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết trong giấy vay nợ, mặc dù chị H, anh Ch đã nhiều lần đến đòi nhưng vợ chồng chị H cố tình không thực hiện cam kết, biểu hiện thái độ chây ỳ. Vì vậy cần phải buộc vợ chồng chị H, anh C có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng chị H, anh Ch số tiền gốc là 225.000.000 VNĐ theo hợp đồng vay ngày 02/04/2019 là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015

Đối với số tiền lãi theo lãi xuất ngân hàng từ khi vay đến nay, quá trình giải quyết vụ án vợ chồng chị H tự nguyện không yêu cầu vợ chồng chị H phải trả lãi. Xét đề nghị của vợ chồng chị H không yêu cầu vợ chồng chị H phải trả lãi là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định, đánh giá nêu trên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng chị H và buộc vợ chồng chị H, anh C có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng chị H, anh Ch số tiền gốc là 225.000.000 VNĐ (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng) là phù hợp.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị H, anh Ch có đơn yêu cầu thi hành án thì cùng với khoản tiền mà chị H, anh C phải thanh toán cho chị H, anh Ch, thì chị H, anh C còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án. Mức lãi suất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Chị Hà Thị H và anh Hà Đình C là người có lỗi đáng nhẽ ra phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng xét thấy chị Hà Thị H và anh Hà Đình C là người dân tộc thiểu số, sống ở xã đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Ph phát biểu quan điểm:

-Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của pháp luật.

-Về nội dung giải quyết vụ án:

- Áp dụng: Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự đề nghị HĐXX tuyên xử:
- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đình Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn Ch;
- Buộc bị đơn chị Hà Thị H và anh Hà Đình C phải hoàn trả số tiền gốc đã vay là: 225.000.000đ cho chị H, anh Ch.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng: điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn theo quy định.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 470, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 và Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản của chị Đinh Thị Thanh H, anh Nguyễn Văn Ch đối với chị Hà Thị H và anh Hà Đình C.

- Buộc chị Hà Thị H và anh Hà Đình C có nghĩa vụ trả cho chị Đinh Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn Ch số tiền nợ gốc là 225.000.000 VNĐ (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật chị H, anh Ch có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị H và anh C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Hà Thị H và anh Hà Đình C.

[3]. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4]. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKS huyện, tỉnh
- THADS huyện
- UBND xã T
- Các đương sự
- Lưu HS-VP

Tạ Đình Quang